

Bản án số: 959/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2022

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Ung Tuấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2022/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: ông Trương Quốc T, sinh năm 1987.

Thường trú: Tổ 9, khu phố 5, phường A, thị xã B, tỉnh C (xin vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Từ Ngọc Trần Đ, sinh năm 1991 là luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Minh T2 - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: bà Võ Thị Bích T1, sinh năm 1986.

Thường trú: 138/5D ấp 5, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Thanh G, sinh năm 1954.

Thường trú: 138/5D ấp 5, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

2. Bà Dương Thị N, sinh năm 1958.

Thường trú: 138/5D ấp 5, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 29/3/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Quốc T trình bày:

Ông và bà Võ Thị Bích T1 tự nguyện chung sống với nhau, hai bên có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu hai bên sống hạnh phúc. Từ năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần hàn gắn nhưng không được khiến cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Bích T1.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông T.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án,, bị đơn bà Võ Thị Bích T1 trình bày:

Bà và ông T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn đúng như ông T trình bày. Sau khi kết hôn bà sống tại gia đình nhà chồng đến năm 2017 thì bà và ông T về lại nhà riêng được ba mẹ bà T1 tặng chưa sang tên tại địa chỉ 138/5K, ấp 5, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh diện tích 87,3 m² để sống. Sau một thời gian sống ở đây do nợ nần nên bà T1 bán nhà với giá 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng để trả nợ và cùng ông T về quê của ông T tại tỉnh C sinh sống. Thời gian chung sống vợ chồng cũng không mấy hạnh phúc do ông T ham mê cờ bạc, uống rượu và thường đánh đập bà nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm 2020 đến nay. Khoảng giữa năm 2020, bà có nộp đơn ly hôn với ông T tại Tòa án thị xã B nhưng do dịch bệnh Covid – 19 nên không thể đi lại được và bà đã hủy bỏ hồ sơ. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thì bà T1 không đồng ý ly hôn vì ông T vẫn còn nợ tiền cha mẹ bà chưa trả.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung: tại bản tự khai ngày 02/11/2021, bà T1 khai vợ chồng bà có tài sản chung là căn nhà do cha mẹ ruột bà cho nhưng chưa sang tên, vợ chồng bà đã bán với giá 1.500.000.000 (một tỉ năm trăm triệu) đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại các phiên hòa giải ngày 26/5/2022 và ngày 03/6/2022, bà T1 xác định tài sản chung không có.

- Về nợ chung: vợ chồng bà có nợ cha mẹ ruột bà là ông Võ Thanh G và bà Dương Thị N số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2022, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N và ông Võ Thanh G trình bày:

Ông bà là cha mẹ ruột của Võ Thị Bích T1, trước đây ông bà có cho hai con Tuấn, Trâm mượn số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng để làm ăn và không lập giấy tờ ký nhận gì. Nay, hai con T, T1 ly hôn, ông bà xác định không yêu cầu T và T1 phải trả nợ cho ông bà vì ông bà không có chứng cứ gì để chứng minh. Tuy nhiên, nếu các con T, T1 có suy nghĩ lại và trả tiền thì ông bà vẫn đồng ý nhận tiền.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - Luật sư Từ Ngọc Trấn Đ trình bày:

Căn cứ lời khai của ông T và bà T1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T1 là có xảy ra và đã thực sự trầm trọng; bằng chứng là sau thời gian chung sống do vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên tranh cãi, mất hạnh phúc nên bà T1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại huyện Hóc Môn từ năm 2020, còn ông T vẫn sống tại phường A, thị xã B, tỉnh C. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T là được ly hôn với bà T1. Về con chung và tài sản chung, ông T và bà T1 cùng xác nhận không có. Về nợ chung, do ông G và bà N không có yêu cầu tranh chấp số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét nhưng vẫn dành quyền khởi kiện cho ông G và bà N khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trương Quốc T xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Võ Thị Bích T1 hiện đang cư ngụ tại xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Quốc T và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Thanh G, bà Dương Thị N có đơn xin vắng mặt. Bị đơn bà Võ Thị Bích T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T, ông Gurom, bà Nhớ, bà T1 theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: ông Trương Quốc T và bà Võ Thị Bích T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã

X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 215, quyển số 02/2015 ngày 11 tháng 11 năm 2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng theo lời trình bày của ông T phát sinh từ năm 2020 do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, bà T1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2020 đến nay. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng là không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Bích T1. Về phía bà T1, bà cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc do ông T ham mê cờ bạc, rượu chè và thường xuyên đánh đập bà nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2020 đến nay. Tuy nhiên, trước yêu cầu xin ly hôn của ông T thì bà T1 không đồng ý ly hôn do ông T vẫn còn nợ tiền của cha mẹ ruột bà. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T1 là có xảy ra và đã thật sự trầm trọng, ông T và bà T1 đã không còn chung sống từ năm 2020 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù bà T1 không đồng ý ly hôn với ông T nhưng lý do bà T1 đưa ra là vì ông T còn nợ tiền cha mẹ ruột của bà T1 bà chứ không phải vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T là chưa phù hợp. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là hoàn toàn có cơ sở.

- Về con chung: ông T và bà T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: ông T và bà T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: ông T xác định không có, bà T1 khai ông T còn nợ tiền cha mẹ bà là bà Dương Thị N và ông Võ Thanh G. Bà Dương Thị N và ông Võ Thanh G khai có cho ông T và bà T1 vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh; đồng thời ông G, bà N xác định không yêu cầu ông T và bà T1 phải trả nợ cho ông bà nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, vẫn dành quyền khởi kiện cho ông G và bà N khi có yêu cầu đòi lại số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147, Điều 150 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Luật phí và Lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 150; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Quốc T.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Quốc T được ly hôn với bà Võ Thị Bích T1. Giấy chứng nhận kết hôn số 215, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 11 năm 2015 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: ông T và bà T1 xác định không có.

- Về tài sản chung: ông T và bà T1 xác định không có.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Dành quyền khởi kiện cho ông Võ Thanh G và bà Dương Thị N khi có yêu cầu đối với số tiền nợ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Trương Quốc T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0075094 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- CCTHADS huyện Hóc Môn;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thanh Thủy

